TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 706/2017/DS-PT
Ngày: 07/8/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Mai
Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Văn Nga
2. Ông Lưu Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2017/TLPT-DS ngày 20/6/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 79/2017/DS-ST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận Z - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1444/2017/QĐPT-DS ngày 10/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4350/2017/QĐ-PT ngày 02/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A
Trụ sở: tầng 8 Tòa nhà S, số 72 Đường D, phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1991 - Là người đại diện theo ủy quyền.
Địa chỉ: 416/15/10 Đường H, Phường J, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn:
1. Ông Quan Ngọc U, sinh năm: 1977
2. Bà Trần Huỳnh N, sinh năm: 1976
Cùng địa chỉ: 25A Đường L, Phường P, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trung Hoàng Q, sinh năm: 1962.
Địa chỉ: 369 Đường W, Phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung Hoàng Q

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2015 nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần A trình bày:

Ngày 23/01/2015 ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Hợp đồng tín dụng số 1403 - LAV – 201500036 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1403-LDS-201500119; Theo các hợp đồng thì ông Quan Ngọc U, bà Trần Huỳnh N vay số tiền: 16.500.000.000đ (Mười sáu tỷ năm trăm triệu đồng); Thời hạn vay là 180 tháng thanh toán vốn và lãi trong các kỳ thanh toán; Lãi suất cho vay là: 10 %/năm áp dụng trong 12 tháng đầu, lãi suất từ tháng 13 trở đi được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng (lãi cuối kỳ) cộng (+) 3.5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên theo hợp đồng tín dụng là Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại 369 Đường W, Phường E, Quận R theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BN 037799, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH08024 do UBND Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/04/2013, cập nhật biến động ngày 28/01/2015 đứng tên ông Quan Ngọc U. Cùng ngày 28/01/2015 đôi bên đã ký biên bản bổ sung sửa đổi số 01 theo đó tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại 369 Đường W, Phường E, Quận Z.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 17/2015/EIBQ7-KHCN/TSTC, số công chứng 002360 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/01/2015 tại Phòng công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 28/01/2015 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, ông U và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng A đã nhiều lần làm việc yêu cầu khách hàng trả nợ tuy nhiên ông U, bà N vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng A.

Do đó Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Quan Ngọc U, bà Trần Huỳnh N thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 19/11/2015 là: 17.156.681.401đ (mười bảy tỷ một trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi mốt ngàn bốn trăm lẻ một đồng), trong đó nợ gốc: 16.300.000.000 đồng, nợ lãi: 829.147.776đ, lãi phạt: 27.533.625đ. Lãi tiếp tục được tính cho đến khi ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N thanh toán xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký. Thi hành ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 369 Đường W, Phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu

tài sản đảm bảo phát mại vẫn không thu hồi đủ nợ thì ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ như sau:

1/ Bản sao Hợp đồng tín dụng số 1403-LAV-201500036 ngày 23/01/2015; Biên bản bổ sung, sửa đổi số 1 ngày 28/01/2015; Khế ước nhận nợ ngày 23/01/2015;

2/ Bản sao Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 17/2015/EIBQ7-KHCN/TSTC, số công chứng 002360 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/01/2015 tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

3/ Bản sao Giấy ủy nhiệm chi 16.500.000.000đồng ngày 23/01/2015.

4/ Bản sao Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 28/01/2015, đã đăng ký giao dịch bảo đảm số 27328.000456.TC.VP số vào sổ 456 ngày 02/02/2015 tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận R;

5/ Bản sao Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 001913, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐ ngày 23/01/2015 tại Phòng công chứng số 1;

6/ Bản sao Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BN 037799, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH08024 do UBND Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/04/2013, cập nhật biến động ngày 28/01/2015 đứng tên ông Quan Ngọc U;

7/ Bản photo hợp đồng ủy quyền số 021259 ngày 30/9/2015 của Văn phòng Công chứng Sài Gòn;

Ngoài ra còn các chứng cứ khác như hồ sơ đóng thuế, các biên bản làm việc giữa đôi bên và cam kết thanh toán nợ của ông U.

Tại bản tự khai đề ngày 30/01/2016 và đơn đề nghị đề ngày 28/7/2016 bị đơn Quan Ngọc U, Trần Huỳnh N trình bày:

Vợ chồng bị đơn có ký hợp đồng vay, thế chấp với Ngân hàng Ngân hàng A như đại diện Ngân hàng trình bày như trên. Vợ chồng bị đơn vay tiền là để mua căn nhà 369 Đường W, Phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Trung Hoàng Q.

Từ khi vay tháng 01/2015 đến tháng 06/2015 bị đơn thanh toán tiền theo đúng hợp đồng vay. Từ ngày 30/6/2015 do mất khả năng thanh toán, Ngân hàng A hướng dẫn bị đơn làm thủ tục ủy quyền cho ông Phạm Đăng K được xử lý tài sản thế chấp thì sẽ gia hạn thời hạn thanh toán cho bị đơn, tuy nhiên Ngân hàng A đã thực hiện không đúng cam kết mà khởi kiện bị đơn ra Tòa.

Nay do thời hạn hợp đồng đến năm 2030 mới hết hạn do đó bị đơn đề nghị Ngân hàng A gia hạn cho bị đơn được thanh toán nợ gốc là 16.300.000.000đồng trong thời gian 05 năm và bị đơn xin được miễn toàn bộ số tiền lãi, vì bị đơn không có khả năng thanh toán nợ.

Riêng căn nhà 369 Đường W, Phường E, Quận R hiện ông Nguyễn Trung Hoàng Q vẫn đang ở, quản lý, sử dụng vì bị đơn chưa trả số tiền đã mượn 1.500.000.000đ của ông Q đôi bên đã thỏa thuận ông Q được ở trong nhà này.

Bị đơn đề nghị được bán căn nhà để trả nợ cho ông Q và Ngân hàng theo phương án trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã cung cấp chứng cứ như sau: Bản sao thông báo đình chỉ thực hiện ủy quyền của ông Quan Ngọc U đối với ông Phạm Đăng K ngày 25/01/2016 (Bút lục 85).

Tại bản tự khai đề ngày 09/5/2016, và bản tự khai đề ngày 25/11/2016 người có quyền lợi nghĩa vụ liên ông Nguyễn Trung Hoàng Q trình bày:

Theo hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 001913 công chứng ngày 23/01/2015 tại Phòng Công Chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh thì ông có bán căn nhà 369 Đường W, Phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Quan Ngọc U với giá là: 17.000.000.000đ (mười bảy tỷ đồng). Ông U chỉ thanh toán cho ông 15.500.000.000đ vào ngày 23/01/2015, số tiền còn lại ông U hẹn thanh toán vào tháng 01/2016 và trả lãi cho ông trên số tiền này (từ tháng 01/2015 đến 01/2016), đây là thỏa thuận miệng, không có lập biên bản, khi các bên giao nhận tiền cũng không có lập biên bản, khi chưa thanh toán số tiền nợ thì ông vẫn được ở lại nhà này, nay ông U vẫn chưa thanh toán cho ông 1.500.000.000đ như vậy hợp đồng mua bán nhà giữa ông và ông U vẫn chưa thực hiện xong. Ông đề nghị ông U thanh toán đủ cho ông 1.500.000.000đ và tiền lãi thì lúc đó ông sẽ giao nhà, đất tại số 369 Đường W, Phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Quan Ngọc U.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q đã cung cấp chứng cứ như sau:

1/ Bản sao giấy cam kết thanh toán 1.500.000.000đồng tiền mua nhà của ông Quan Ngọc U đối với ông Nguyễn Trung Hoàng Q ngày 28/01/2015 (Bút lục 98);

2/ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41E8030661 ngày 11/5/2015 do ông Nguyễn Văn H đứng tên chủ hộ kinh doanh tại số 369 Đường W, Phường E, Quận R (Bút lục 101).

3/ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41E8032201 ngày 20/6/2016 do ông Nguyễn Trung Hoàng Q đứng tên chủ hộ kinh doanh tại số 369 Đường W, Phường E, Quận R(Bút lục 109).

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Quận Z đã thu thập chứng cứ như sau:

1/ Phiếu trả lời xác minh về nơi cư trú của Công an phường E, Quận R (Bút lục 134).

2/ Công văn 650/UBND – KT ngày 01/8/2016 của Ủy ban nhân dân Quận R (Bút lục 138)

Tại bản án sơ thẩm số 79/2017/DS-ST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận Z - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A đòi ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N phải thanh toán toàn bộ số tiền vốn, lãi còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 1403-LAV-201500036 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1403-LDS-201500119 giữa đôi bên.

2. Buộc ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền gồm:

Nợ gốc: 16.300.000.000đ (mười sáu tỷ ba trăm triệu đồng).

Lãi trong hạn: 3.329.839.443đ (ba tỷ ba trăm hai mươi chín triệu tám trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm bốn mươi ba đồng).

Lãi quá hạn: 69.305.569đ (sáu mươi chín triệu ba trăm lẻ năm ngàn năm trăm sáu mươi chín đồng).

Tổng cộng: 19.699.145.012đ (mười chín tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn không trăm mười hai đồng)

Thời hạn thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N phải tiếp tục trả lãi hàng tháng cho Ngân hàng TMCP A theo mức lãi suất nợ quá hạn của hợp đồng tín dụng nêu trên, trên dư nợ gốc, kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ gốc nêu trên.

3. Trường hợp ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N không thanh toán đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, bán tài sản thế chấp là nhà, đất tại 369 Đường W, Phường E, Quận R, TP. Hồ Chí Minh để thu hồi nợ. Nếu số tiền bán tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ nêu trên, thì ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại.

4. Trường hợp phải kê biên, bán tài sản thế chấp là nhà, đất tại số 369 Đường W, Phường E, Quận R, TP. Hồ Chí Minh để thi hành án thì buộc ông Nguyễn Trung Hoàng Q (hoặc những người khác đang cư trú tại nhà, đất 369 Đường W, Phường E, Quận R, TP. Hồ Chí Minh (nếu có)) phải giao tài sản để thi hành án theo Điều 91 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N phải nộp 127.699.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn đồng) tiền án phí.

Ngân hàng TMCP A được nhận lại 62.578.500đ (sáu mươi hai triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng TMCP A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2014/0002670 ngày 09/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày Ngân hàng TMCP A, được tính kể từ ngày Tòa tuyên án, ông Quan Ngọc U, bà Trần Huỳnh N, ông Nguyễn Trung Hoàng Q được tính kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án tại địa phương.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 19/5/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung Hoàng Q có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu khởi kiện.

Người kháng cáo không rút, thay đổi hoặc bổ sung yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (Ngân hàng A) do bà Đặng Thị Ngọc T đại diện yêu cầu y án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung Hoàng Q kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa ngày 23/02/2017 không hợp lệ, ông đã nhiều lần khiếu nại nhưng không được giải quyết. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng sai điều luật đối với quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ. Nay ông yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 79/2017/DS-ST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung Hoàng Q.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2017/DS-ST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo qui định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung Hoàng Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐST-DS ngày 18/01/2017 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 171) thể hiện phiên tòa được mở ra vào lúc 08 giờ 00 ngày 23/02/2017.

Tòa án nhân dân Quận Z đã tống đạt đầy đủ cho các đương sự tham gia phiên tòa. Riêng tại biên bản tống đạt thành ngày 23/01/2017 (bút lục số 207) thì Văn phòng Thừa phát lại Quận Y đã tống đạt Giấy triệu tập đương sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐST-DS ngày 18/01/2017 cho ông Q tại địa chỉ: 369 Đường W, Phường E, Quận R, TP. Hồ Chí Minh thông qua

người thứ ba là ông Nguyễn V được ghi là em của ông Q, do ông Q vắng mặt tại địa chỉ trên.

Tại giấy xin xác nhận ngày 28/3/2017 của Công an Phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận theo yêu cầu của ông Q (bút lục số 251) và biên bản xem xét tại chỗ ngày 30/3/2017 (bút lục 248 - 249) thì tại địa chỉ số: 369 Đường W, Phường E, Quận R, TP. Hồ Chí Minh chỉ có ông Q cư trú, ngoài ra không có ai hết. Như vậy, việc Văn phòng Thừa phát lại Quận Y tống đạt Giấy triệu tập đương sự cho ông Q và quyết định đưa vụ án ra xét xử phiên tòa ngày 23/02/2017 thông qua người thứ ba nhưng không làm rõ việc người đó có phải là người thân thích, cùng nơi cư trú với ông Q hay không là vi phạm khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, tại quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2017/QĐST-DS ngày 23/02/2017 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 173) thể hiện do bị đơn ông Quan Ngọc U, bà Trần Huỳnh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung Hoàng Q vắng mặt lần thứ 1 nên Tòa án sơ thẩm đã hoãn phiên tòa xét xử ngày 23/02/2017 và xét xử lại vào lúc 08 giờ 00 ngày 23/3/2017. Do vậy, phiên tòa xét xử lúc 08 giờ 00 ngày 23/02/2017 đã được hoãn nên việc vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm là không nghiêm trọng và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q. Song, ngày 23/3/2017, phiên tòa xét xử sơ thẩm lần 2, ông Q đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa, ông Q đã trình bày với Hội đồng xét xử về việc ông không có người thân nào tên Nguyễn V và không biết gì về phiên tòa diễn ra ngày 23/2/2017.

Đồng thời tại phiên tòa này, do nguyên đơn có yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ nên Tòa án sơ thẩm đã quyết định tạm ngừng phiên tòa (quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 05/2017/QĐ-TNPT ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, bút lục số 175) và ấn định ngày tiếp tục phiên tòa là ngày 11/4/2017.

Phiên tòa ngày 11/4/2017 ông Q đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập (biên bản tống đạt hồi 10 giờ 40 ngày 04/3/2017 của Văn phòng Thừa phát lại Quận Y, bút lục số 213) nhưng ông Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Như vậy, phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 ngày 23/3/2017 và ngày 11/4/2017 ông đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa và có cơ hội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông đã tự từ chối quyền được pháp luật bảo vệ.

Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đã căn cứ sai điều luật, thay vì căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự mà Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ điểm d khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự làm không đúng nhưng điều này về cơ bản không làm thay đổi nội dung của quyết định xem xét thẩm định tại chỗ. Mặt khác, sau khi ông Q có đơn khiếu nại yêu cầu đình chỉ việc xem xét thẩm định tại chỗ, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo giải quyết đơn khiếu nại trong đó thừa nhận lỗi ghi nhận

điều luật sai là do lỗi đánh máy và không đồng ý việc đình chỉ xem xét thẩm định tại chỗ.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Q phải chịu theo qui định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 01/7/2009.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung Hoàng Q.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A đòi ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N phải thanh toán toàn bộ số tiền vốn, lãi còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 1403-LAV-201500036 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1403-LDS-201500119 giữa đôi bên.

Buộc ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền gồm:

Nợ gốc: 16.300.000.000đ (mười sáu tỷ ba trăm triệu đồng).

Lãi trong hạn: 3.329.839.443đ (ba tỷ ba trăm hai mươi chín triệu tám trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm bốn mươi ba đồng).

Lãi quá hạn: 69.305.569đ (sáu mươi chín triệu ba trăm lẻ năm ngàn năm trăm sáu mươi chín đồng).

Tổng cộng: 19.699.145.012đ (mười chín tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn không trăm mười hai đồng)

Thời hạn thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N phải tiếp tục trả lãi hàng tháng cho Ngân hàng TMCP A theo mức lãi suất nợ quá hạn của hợp đồng tín dụng nêu trên, trên dư nợ gốc, kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ gốc nêu trên.

3. Trường hợp ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N không thanh toán đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, bán tài sản thế chấp là nhà, đất tại 369 Đường W, Phường E, Quận R, TP. Hồ Chí Minh để thu hồi nợ. Nếu số tiền bán tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ nêu trên, thì ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại.

Trường hợp phải kê biên, bán tài sản thế chấp là nhà, đất tại số 369 Đường W, Phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành án thì buộc ông Nguyễn Trung Hoàng Q (hoặc những người khác đang cư trú tại nhà, đất 369 Đường W, Phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh (nếu có)) phải giao tài sản để thi hành án theo Điều 91 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quan Ngọc U và bà Trần Huỳnh N phải nộp 127.699.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn đồng) tiền án phí.

Ngân hàng TMCP A được nhận lại 62.578.500đ (sáu mươi hai triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng TMCP A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2014/0002670 ngày 09/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Trung Hoàng Q phải nộp nhưng được cấn trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0027763 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Z - Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Z;
- Chi cục THADS Quận Z;
- Các đương sự;
- L□u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Tuyết Mai